

Số: 115/KH-UBND

Sính Phình, ngày 08 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Sính Phình giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035

Căn cứ Kế hoạch số 7633/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ tình hình thực tế về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Sính Phình; UBND xã Sính Phình xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của tỉnh và của Sở Giáo dục và Đào tạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục.

Hình thành và khai thác hiệu quả dữ liệu giáo dục, bảo đảm kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý, ra quyết định và cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

Tạo cơ sở thống nhất trong tổ chức triển khai, phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; làm căn cứ để xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

Đổi mới phương pháp, hình thức, tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy và học để nâng cao chất lượng thực chất, tránh hình thức trên cơ sở ứng dụng công nghệ số và phù hợp với Kế hoạch số 759/KH-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về triển khai Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Đổi mới phương pháp dạy và học trên cơ sở ứng dụng công nghệ số; tăng cường cá thể hóa việc học tập, phát triển năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo; tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng cao cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

Bảo đảm bám sát chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới

sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và các cơ sở giáo dục.

Triển khai đồng bộ, thống nhất, có lộ trình và trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trực tiếp phục vụ công tác quản lý giáo dục, dạy và học. Gắn việc thực hiện kế hoạch với nhiệm vụ chuyên môn hằng năm và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

Phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và cơ sở giáo dục trong tổ chức thực hiện; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong quá trình triển khai.

Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và tiết kiệm, gắn việc thực hiện kế hoạch với nhiệm vụ chuyên môn hằng năm; sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định.

Tuân thủ quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giáo dục trong quá trình khai thác, sử dụng.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá và kịp thời điều chỉnh, bảo đảm các nhiệm vụ của kế hoạch được triển khai đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số, ứng dụng hiệu quả CNTT trong quản lý, dạy và học, kiểm tra - đánh giá, hình thành môi trường giáo dục số, quản trị số, dữ liệu số đồng bộ, liên thông, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, thu hẹp khoảng cách giáo dục với các vùng thuận lợi, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

a) Nhóm mục tiêu về quản lý nhà nước và quản trị ngành giáo dục

100% cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục thực hiện quản lý, điều hành trên môi trường số. Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý giáo dục dùng thống nhất giữa các cơ sở giáo dục; bảo đảm liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin các cấp.

100% hồ sơ, báo cáo thống kê giáo dục được số hóa, hạn chế tối đa việc sử dụng văn bản giấy, quy trình thủ công.

100% cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ số trong quản lý cán bộ, giáo viên, học sinh, cơ sở vật chất, tài chính giáo dục.

b) Nhóm mục tiêu về dạy học và học tập số

100% cơ sở giáo dục đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong tổ chức dạy học, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị.

Phát triển, khai thác hiệu quả hệ thống học liệu số, bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra; từng bước chuẩn hóa, số hóa và khuyến

khích chia sẻ, dùng chung học liệu giữa các cơ sở giáo dục, gắn với bảo đảm an toàn thông tin và bản quyền số.

Từng bước triển khai và mở rộng các hình thức dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp (blended learning); tăng cường ứng dụng công nghệ số nhằm hỗ trợ học sinh vùng khó khăn tiếp cận bình đẳng với các cơ hội học tập, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ mô phỏng, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và các công cụ số tiên tiến trong dạy và học; hỗ trợ cá thể hóa quá trình học tập, nâng cao năng lực tự học, tư duy sáng tạo và trải nghiệm thực hành cho học sinh.

Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo hướng ứng dụng CNTT, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; tăng cường sử dụng ngân hàng đề, đánh giá trực tuyến, bảo đảm tính khách quan, minh bạch, chính xác và phù hợp với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

c) Nhóm mục tiêu về hạ tầng số và nền tảng số

100% cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục có kết nối Internet băng thông rộng ổn định; từng bước đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, thiết bị dạy học số, phòng học thông minh phù hợp điều kiện thực tế. Sử dụng hiệu quả các nền tảng số dùng chung của các cơ sở giáo dục và của xã.

d) Nhóm mục tiêu về dữ liệu giáo dục và an toàn thông tin

Hình thành cơ sở dữ liệu giáo dục của xã đồng bộ, chính xác, cập nhật, kết nối với cơ sở dữ liệu ngành và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của giáo viên, học sinh và cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

Nâng cao năng lực ứng phó sự cố an toàn thông tin trong các cơ sở giáo dục.

đ) Nhóm mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực số

100% cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo quy định.

100% giáo viên được bồi dưỡng kỹ năng số, có khả năng thiết kế, sử dụng hiệu quả học liệu số trong giảng dạy.

Học sinh được trang bị kỹ năng số cơ bản, năng lực khai thác thông tin an toàn, hiệu quả, phù hợp từng cấp học.

e) Nhóm mục tiêu về thu hẹp khoảng cách số, bảo đảm công bằng trong giáo dục

Ưu tiên ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để hỗ trợ học sinh. Từng bước thu hẹp khoảng cách về điều kiện tiếp cận giáo dục số giữa các thôn.

2.2. Đến năm 2035

a) Về quản trị và quản lý giáo dục

Hoàn thiện mô hình quản trị giáo dục dựa trên dữ liệu số, hỗ trợ ra quyết định kịp thời, chính xác từ cấp xã đến cơ sở. Các quy trình quản lý, điều hành được tự động hóa, số hóa toàn diện, bảo đảm hiệu quả, minh bạch.

b) Về giáo dục số và mô hình dạy học hiện đại

Hình thành môi trường giáo dục số hoàn chỉnh, kết hợp hài hòa giữa dạy học trực tiếp và dạy học số. Mô hình dạy học cá thể hóa, học tập suốt đời được hỗ trợ mạnh mẽ bởi nền tảng số, học liệu mở. Phổ cập việc sử dụng học liệu số chất lượng cao, dùng chung trong toàn xã.

c) Về hạ tầng số, nền tảng số thông minh

Hạ tầng CNTT sẵn sàng tích hợp các công nghệ mới (AI, dữ liệu lớn, phân tích thông minh). Các nền tảng số giáo dục thông minh được khai thác hiệu quả, liên thông với hệ thống số quốc gia và hệ sinh thái số của tỉnh.

d) Về dữ liệu giáo dục và an toàn thông tin

Cơ sở dữ liệu giáo dục lớn, đồng bộ và tin cậy được vận hành ổn định, phục vụ quản lý, dự báo, hoạch định chính sách giáo dục. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân ở mức độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài.

đ) Về đội ngũ và nguồn nhân lực số

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên có năng lực số cao, thích ứng nhanh với sự phát triển của khoa học - công nghệ. Học sinh được trang bị năng lực số, năng lực công dân số, đáp ứng yêu cầu xã hội số và thị trường lao động trong tương lai.

e) Về công bằng giáo dục và phát triển bền vững

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số để thu hẹp căn bản khoảng cách giáo dục giữa các thôn trên địa bàn xã. Giáo dục số trở thành công cụ quan trọng để bảo đảm cơ hội học tập bình đẳng, học tập suốt đời cho mọi người dân.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về chuyển đổi số giáo dục

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong giáo dục và đào tạo bằng nhiều hình thức phù hợp.

Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quản lý và hoạt động chuyên môn của các cơ sở giáo dục. Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Xây dựng văn hóa số trong các cơ sở giáo dục, khuyến khích đổi mới sáng tạo và chia sẻ học liệu qua các nền tảng trực tuyến.

Công tác tuyên truyền được triển khai phù hợp theo từng nhóm đối tượng (cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, phụ huynh), từng cấp học nhằm bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, tránh tuyên truyền chung chung, dàn trải.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định về chuyển đổi số

Rà soát, tham mưu ban hành hoặc sửa đổi các văn bản quy định, có liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo để phù hợp với tình hình mới và yêu cầu ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục và toàn xã.

Lồng ghép nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục và đào tạo vào các chương

trình, đề án, kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phương thức quản lý, điều hành dựa trên môi trường số.

3. Phát triển hạ tầng số, thiết bị và nền tảng số

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, mạng Internet băng thông rộng cho các cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục. Khắc phục triệt để tình trạng lùm sóng, sóng yếu tại các điểm trường, thôn đặc biệt khó khăn.

Từng bước trang bị thiết bị CNTT, phòng học trực tuyến, thiết bị dạy học số, phòng học thông minh hiện đại, đồng bộ và phù hợp điều kiện thực tế.

Xây dựng và hoàn thiện các nền tảng số các cơ sở giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại như: hệ thống quản lý dữ liệu tập trung, hồ sơ điện tử, học liệu số, kho bài giảng số, sổ điểm - học bạ điện tử.

Phát triển các phần mềm phục vụ quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng thống nhất, liên thông, tránh manh mún; ưu tiên nền tảng dùng chung toàn xã.

4. Ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước và quản trị cơ sở giáo dục

Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu; triển khai quản lý công việc, điều hành tác nghiệp trên môi trường số. Xây dựng, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hệ thống thông tin quản lý giáo dục thống nhất của các cơ sở giáo dục.

Ứng dụng CNTT trong quản lý cán bộ, giáo viên, học sinh, tài chính, cơ sở vật chất và các hoạt động chuyên môn khác. Tăng cường quản trị dữ liệu các cơ sở giáo dục trong toàn xã; chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu kịp thời; bảo đảm tính chính xác, đồng bộ giữa các hệ thống.

Đẩy mạnh kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm, nền tảng của các cơ sở giáo dục với hệ thống của Sở GDĐT, tỉnh, Bộ Giáo dục và các cơ quan liên quan để nâng cao hiệu quả quản lý.

Ứng dụng các Dashboard, báo cáo số, phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, đánh giá và dự báo giáo dục.

Tăng cường an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động quản lý và vận hành hệ thống CNTT tại cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục.

5. Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá

Phát triển, cập nhật và sử dụng hiệu quả học liệu số, bài giảng điện tử và kho học liệu dùng chung.

Tổ chức dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp phù hợp điều kiện thực tế; tăng cường hỗ trợ học sinh vùng khó khăn. Tăng cường ứng dụng các nền tảng hỗ trợ dạy học số, lớp học số; sử dụng công cụ tương tác, mô phỏng và học liệu trực quan để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Ứng dụng AI trong hỗ trợ biên soạn học liệu, đánh giá năng lực và cá thể hóa quá trình học của học sinh. Khai thác dữ liệu học tập (learning analytics) phục vụ theo dõi tiến độ, đánh giá và hỗ trợ ra quyết định chuyên môn.

Triển khai các hệ thống phần mềm và ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá, thi cử theo lộ trình, bảo đảm khách quan, minh bạch.

6. Xây dựng, khai thác dữ liệu giáo dục và bảo đảm an toàn thông tin

Chuẩn hóa, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu giáo dục của xã; bảo đảm “đúng – đủ – sạch – sống – đồng bộ – liên thông”. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giáo dục với các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của xã và Sở GDĐT theo quy định.

Xây dựng kho dữ liệu giáo dục dùng chung; khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ dự báo, hoạch định chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý.

Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; tăng cường giám sát, phòng ngừa và nâng cao năng lực xử lý sự cố.

7. Phát triển nguồn nhân lực số ngành giáo dục

Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục.

Đưa nội dung kỹ năng số, an toàn thông tin và đạo đức số vào hoạt động giáo dục phù hợp từng cấp học.

Xây dựng đội ngũ phụ trách CNTT, chuyển đổi số tại cơ sở giáo dục; phát triển cộng đồng học tập số nhằm lan tỏa kiến thức và kinh nghiệm trong toàn ngành.

8. Huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa

Huy động, lồng ghép nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu, dự án, xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục.

Khuyến khích hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức xã hội trong phát triển nền tảng số, học liệu số, đào tạo kỹ năng số. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các thôn khó khăn.

9. Tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát và đánh giá

Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục trong triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số giáo dục.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch; kịp thời điều chỉnh nội dung, giải pháp phù hợp thực tiễn.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua đánh giá hồ sơ, báo cáo định kỳ; kiểm tra thực tế tại các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục; khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, phần mềm quản lý giáo dục và các nền tảng số dùng chung của ngành để theo dõi tiến độ, chất lượng và hiệu quả triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2026-2030: Tập trung hoàn thiện nền tảng chuyển đổi số; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học, kiểm tra - đánh giá; xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giáo dục dùng chung; đầu tư hạ tầng số, thiết bị dạy học phù hợp; thí điểm và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dạy học và hỗ trợ người học; nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Giai đoạn 2031-2035: Phát triển giáo dục số, quản trị giáo dục thông minh; mở rộng và nâng cao hiệu quả ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong quản lý,

dạy học và cá nhân hóa học tập; hoàn thiện hệ sinh thái giáo dục số; phát triển đội ngũ có năng lực số cao; ứng dụng công nghệ số để thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng, bảo đảm công bằng và phát triển bền vững.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm: Chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hằng năm cho UBND xã theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai kế hoạch; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia kế hoạch.

2. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

3. Ưu tiên bố trí kinh phí cho các cơ sở giáo dục ở vùng khó khăn bị ảnh hưởng của thiên tai. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ CNTT, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã tham mưu cụ thể hóa nội dung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của xã; tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn trực tiếp triển khai các nhiệm vụ chuyên môn; bảo đảm an toàn hệ thống thông tin và dữ liệu cá nhân của giáo viên, học sinh.

3. Đề nghị các đoàn thể xã phối hợp tuyên truyền, vận động xã hội hóa để hỗ trợ thiết bị học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Trên đây là Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Sính Phình giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 của UBND xã Sính Phình. Đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Phòng Văn hóa - Xã hội xã (t/h);
- Các trường học trên địa bàn xã (t/h);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Trứ